

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Tiểu dự án “Giảm nghèo về thông tin” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính sách năm 2023;

Căn cứ Công văn 252/BTTTT-KHTC ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2023;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định rõ nội dung, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023.

2. Đảm bảo không trùng lặp với nội dung thực hiện ở các chương trình, đề án, dự án sử dụng ngân sách nhà nước khác; việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Tiểu Dự án đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông

1.1. Đối tượng bồi dưỡng, tập huấn huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, truyền thông

Cán bộ làm công tác thông tin cơ sở, ưu tiên công chức văn hóa - xã hội cấp xã, phụ trách đài truyền thanh cấp xã; cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền thuộc cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội các huyện, thành phố; cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan, tổ chức các huyện, thành phố.

1.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho 106 cán bộ làm công tác thông tin cơ sở, ưu tiên công chức văn hóa - xã hội cấp xã, phụ trách đài truyền thanh cấp xã; thời gian: 03 ngày/lớp.

- Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho 50 cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền thuộc cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội các huyện, thành phố; cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan, tổ chức các huyện, thành phố; thời gian: 03 ngày/lớp.

1.3. Địa điểm mở lớp: Thành phố Lai Châu

1.4. Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện theo quy định; phối hợp với UBND các huyện, thành phố lựa chọn đúng đối tượng để tổ chức đảm bảo kế hoạch đề ra; lựa chọn thời điểm tổ chức tập huấn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các đối tượng.

2. Thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu Ma Lù Thàng và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

2.1. Thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu Ma Lù Thàng

a) Mục tiêu: Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả. Đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin kịp thời đến cộng đồng dân cư, khách nước ngoài, các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin cơ sở, truyền thông theo hướng sử dụng các công cụ tuyên truyền trực quan, sinh động, bắt mắt, dễ đi vào lòng người. Đây cũng là một trong những cơ sở phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với giữ vững an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh trong thời gian sắp tới.

b) Địa điểm thiết lập: Cửa khẩu Ma Lù Thàng

c) Kết cấu cụm thông tin điện tử công cộng bao gồm hệ thống các thiết bị điện tử màn hình LED cỡ lớn (có bộ máy tính điều khiển và thiết bị phụ trợ kèm theo), được lắp đặt cố định tại địa điểm thiết lập.

d) Số lượng màn hình: 02 mặt, diện tích màn hình được xác định trên cơ sở phù hợp với vị trí lắp đặt, hiệu quả thông tin, tuyên truyền: Màn hình cỡ lớn được lắp đặt cố định trên trụ đỡ, đảm bảo an toàn về thiết bị và thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống máy tính, phần mềm điều khiển và hệ thống kết nối truyền dẫn đến đơn vị quản lý nội dung thông tin.

đ) Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND huyện Phong Thổ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh triển khai thực hiện.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cụm thông tin điện tử, trong đó quy định rõ trách nhiệm quản lý an toàn cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, đảm bảo an toàn nội dung thông tin, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử; kiểm tra, giám sát, phát huy hiệu quả hệ thống thiết bị đã được đầu tư.

2.2. Cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới

a) Nội dung thực hiện: Sản xuất và cung cấp nội dung thông tin, tuyên truyền theo yêu cầu đặc thù của địa phương để phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống cụm thông tin điện tử bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài (nếu có) nhằm cung cấp thông tin bổ ích về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác; tình hình phát triển kinh tế, xã hội trong và ngoài tỉnh, phản ánh trung thực các vụ việc tiêu cực, các vấn đề dư luận xã hội quan tâm; kịp thời phản bác các thông tin, luận điệu,

quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn trọng điểm khu vực biên giới.

b) Số lượng: 02 mục/03 thứ tiếng/quý. Tổng cộng 12 số/sóng phát thanh và 12 số/sóng truyền hình năm 2023.

c) Thời lượng: 05-10 phút/chương trình.

d) Tổ chức thực hiện: Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức sản xuất, biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền và phổ biến, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của địa phương; sản phẩm sẽ được tuyên truyền trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh các xã.

3. Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3.1. Mục tiêu: Cung cấp các dịch vụ thông tin công cộng phục vụ nhân dân các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giúp nhân dân ở khu vực này có điều kiện tiếp cận các thông tin về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức, kỹ năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và các thông tin thiết yếu khác.

3.2. Phạm vi, địa điểm thực hiện

a) Phạm vi: Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Địa điểm: Tại điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng.

3.3. Yêu cầu về điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng

a) Có hệ thống bàn, ghế phục vụ người dân đọc sách, báo, tạp chí;

b) Có ít nhất 01 máy vi tính được kết nối internet băng rộng, đảm bảo an toàn thông tin;

c) Có ít nhất 01 tủ/kệ để trưng bày, giới thiệu các xuất bản phẩm in, báo in;

d) Đảm bảo hệ thống chiếu sáng, quạt điện phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thuận lợi;

đ) Thời gian phục vụ: Tối thiểu 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước). Thời gian phục vụ phải được niêm yết công khai tại nơi dễ nhìn để người dân biết.

3.4. Nội dung hỗ trợ: Thuê dịch vụ internet băng thông rộng để hỗ trợ người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo

điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chi tiền điện; chi tiền nước uống và chi khác theo quy định.

3.5. Tổ chức thực hiện: Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bureau điện tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thông tin, tuyên truyền thuộc dự án và các chương trình, dự án khác (nếu có) phục vụ nhân dân tại các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã

4.1. Phạm vi: Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4.2. Nội dung thực hiện

a) Thiết lập mới 02 đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, 20 cụm loa từ xã đến thôn bản tại xã Tà Hừa, Tà Mung, huyện Than Uyên.

b) Nâng cấp 13 Đài truyền thanh xã có dây, không dây bị hỏng, không còn sử dụng được sang đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT và 142 cụm loa từ xã đến các thôn bản tại các xã: Nậm Pì, Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn; Pu Sam Cáp, Nậm Cha, Tả Phìn, Cấn Co, huyện Sìn Hồ; Mù Cả, Nậm Khao, Pa Ủ, huyện Mường Tè; Vàng Ma Chải, Đào San, Mồ Sì San, huyện Phong Thổ; Sơn Bình, huyện Tam Đường.

4.3. Thành phần cơ bản, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin của đài truyền thanh xã thiết lập mới, nâng cấp theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

4.4. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu triển khai thiết lập đài truyền thanh xã, nâng cấp đài truyền thanh xã sang đài công nghệ mới (bao gồm cả cụm loa ở thôn bản).

- Giao UBND các huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thiết lập đài truyền thanh xã, nâng cấp đài truyền thanh xã sang đài công nghệ mới. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh xã (bao gồm phí sử dụng dịch vụ truy nhập internet, thuê bao của cụm thu phát thanh; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; sản xuất, phát nội dung chương trình trên đài truyền thanh).

5. Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội

5.1. Mục đích: Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và sản phẩm truyền thông khác dưới dạng điện tử có tính chuyên đề nhằm cung cấp thông tin thiết yếu, có giá trị sử dụng lâu dài phục vụ xã hội, trong đó ưu tiên phục vụ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao.

5.2. Nội dung thực hiện

a) Sản xuất mới các tác phẩm báo chí, sản phẩm truyền thông khác có nội dung thông tin thiết yếu, bao gồm tiếng dân tộc thiểu số.

b) Phát hành, phát sóng các tác phẩm báo chí; phổ biến các sản phẩm truyền thông khác, trong đó:

- Đối với các sản phẩm báo in: Phát hành đến các thư viện; các điểm phục vụ thông tin công cộng tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đối với các chương trình phát thanh, truyền hình: Phát sóng trên các kênh phát thanh, kênh truyền hình của Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh.

- Đăng tải các tác phẩm báo điện tử trên chuyên trang, chuyên mục của báo điện tử, đăng các sản phẩm truyền thông điện tử khác trên các nền tảng công nghệ do các cơ quan báo chí sử dụng, trên cổng thông tin đối ngoại; trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phát sóng các chương trình phát thanh trên đài truyền thanh cấp xã.

5.3. Tiêu chí lựa chọn nội dung thông tin, tuyên truyền

a) Tiêu chí nội dung: Nội dung thông tin tuyên truyền phải có tính chuyên đề, bám sát yêu cầu, định hướng thông tin, tuyên truyền.

b) Tiêu chí hình thức, thể loại, thời lượng: Phù hợp với yêu cầu, định hướng tuyên truyền; bảo đảm phù hợp, thiết thực với đối tượng thụ hưởng; hình thức thể hiện thân thiện, hấp dẫn, dễ hiểu, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và pháp luật của Việt Nam.

c) Tiêu chí hiệu quả: Nội dung thông tin có khả năng áp dụng vào đời sống, sản xuất, giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết chung của người dân; có hiệu ứng lan tỏa trên các phương tiện thông tin, truyền thông.

d) Tiêu chí ưu tiên: Ưu tiên thông tin, tuyên truyền đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

5.4. Nhiệm vụ

5.4.1. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lai Châu

- a) Sản xuất mới sản phẩm truyền thông
 - Thời lượng 10 phút/sản phẩm.
 - Số lượng: 06 tiểu phẩm/năm 2023.
- b) Sản xuất mới chuyên mục truyền hình “Câu chuyện bản làng”
 - Thời lượng 10 phút/số.
 - Số lượng: 2 số/năm 2023.
- c) Sản xuất mới mục “Giảm nghèo bền vững” (Tiếng dân tộc) trong các chương trình phát thanh và truyền hình.
 - Thời lượng 05 - 10 phút.
 - Số lượng: 03 mục/03 thứ tiếng/tháng. Tổng cộng 36 số/sóng phát thanh và 36 số/sóng truyền hình năm 2023.
- d) Phát sóng các chương trình.

5.4.2. UBND các huyện

- Nội dung: Đáp ứng nội dung, tiêu chí quy định tại Kế hoạch này dưới dạng điện tử để tuyên truyền về giảm nghèo để phát sóng trên đài Truyền thanh cấp xã, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của địa phương, đơn vị.
- Số lượng: 36 tin, bài, ảnh, phóng sự/năm/huyện.
- Đơn vị thực hiện: UBND các huyện giao Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông các huyện thực hiện.

5.6. Tổ chức thực hiện

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, UBND các huyện tổ chức, triển khai thực hiện trên cơ sở dự toán được giao theo quy định của pháp luật.

- UBND các huyện giao Trung tâm Văn hóa Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ tại địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ được giao đúng quy định của Luật Báo chí và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

II. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện: 9.753.000.000 đồng (*Chín tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu đồng*).

2. Nguồn kinh phí: Kinh phí sự nghiệp của Chương trình được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch, đảm bảo đúng quy định, hiệu quả.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch về UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin giảm nghèo trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ.

3. UBND các huyện, thành phố: Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các nội dung Kế hoạch; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi và chọn cử cán bộ, công chức, viên chức các cấp tham gia lớp bồi dưỡng, tập huấn; phối hợp rà soát các đài truyền thanh xã đề xuất thiết lập mới, nâng cấp; chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp làm căn cứ triển khai.

4. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết để triển khai thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp làm căn cứ triển khai.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để B/c);
- UBND tỉnh: U1 (để B/c);
- Các sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Ban QL Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lai Châu; Đài PTTH tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V4, THCB;
- Lưu: VT, KT1, KT5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính